

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 346/2020/DS- ST
Ngày: 31 - 12 - 2020
V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hui”
và “ Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Chiến

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ngân

2. Ông Thái Công Sết

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Cảnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân,

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện tham gia phiên tòa: ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên sơ cấp

Trong ngày 31 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 352/2019/TLST - DS ngày 23 tháng 9 năm 2019, về tranh chấp “ Hợp đồng góp hui” và “ Hợp đồng vay tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 195/2020/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Đồng nguyên đơn:

1.1. Ông Lê Văn H, sinh năm 1958

1.2. Bà Nguyễn Ngọc Trung Tr, sinh năm 1960. Bà Trinh do ông Lê Văn H làm đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 13/9/2019)

Cùng cư trú: số nhà 252, ấp Hòa B 1, xã Hòa L, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

2. Đồng bị đơn:

2.1. Chị Nguyễn Thị Ngọc Đ, sinh năm 1983

2.2. Anh Nguyễn Phú H, sinh năm 1980

2.3. Bà Lý Thị Bích T (B), sinh năm 1966

Cùng cư trú: Hẻm 12 (nhà bà T), ấp Th 3, thị trấn Phú M, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

(Ông H có mặt, chị Đ, bà T vắng mặt, anh H xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Căn cứ đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải ông Lê Văn H vừa đại diện cho bà Nguyễn Ngọc Trung Tr trình bày:

Do Đ làm chung cơ quan với vợ ông (bà Tr), nên vào năm 2014 vợ chồng ông H và bà Đ có làm chủ hội, vợ chồng ông tham gia hai dây hội cụ thể như sau:

- Dây hội 3.000.000 đồng ông hót chót được 73.500.000 đồng, nhưng bà Đ chưa giao

- Dây hội 2.000.000 đồng, ông tham gia 02 phần, đã chầu được 7 lần với số tiền gốc là 21.000.000 đồng

Do làm ăn thất thoát nên chị Đ và anh H không có tiền hoàn trả cho ông nên thỏa thuận vào ngày 27/9/2016 hai bên chốt tiền hội có biên nhận nợ do Đ ký xác nhận với ông là 94.500.000 đồng và hứa sẽ trả, nhưng đến nay chưa trả.

Ngoài ra, chị Đ còn nhận tiền mặt 79.700.000 đồng là tiền của vợ ông (Tr) gửi mua hội, có biên nhận do Đ ký ngày 22/8/2016 đến nay chưa trả lại.

Mặt khác trong quá trình làm ăn, chị Đ cùng mẹ ruột là bà T (B) có hỏi mượn vợ chồng ông nhiều lần với tổng số tiền 393.000.000 đồng, sau đó có trả được 300.000.000 đồng, hiện còn nợ lại 93.000.000 đồng có biên nhận do Đ ký ngày 27/4/2016.

Nay yêu cầu chị Nguyễn Thị Ngọc Đ và anh Nguyễn Phú H cùng liên đới trả cho vợ chồng ông số tiền hội là 174.200.000đ (một trăm bảy mươi bốn triệu hai trăm ngàn đồng). Yêu cầu chị Nguyễn Thị Ngọc Đ và bà Lý Thị Bạch T (B) cùng liên đới trả cho vợ chồng ông số tiền vay là 93.000.000 đồng không yêu cầu tính lãi.

* Chị Nguyễn Thị Ngọc Đ vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi xét xử, nên không có lời trình bày.

* Anh Nguyễn Phú H trình bày: anh và Đ là vợ chồng, trong thời gian chung sống, anh biết vợ anh là Đ có làm chủ hội, ông H bà Tr có tham gia chơi hội nên các lần mở hội anh có chở Đ đến nhà bà Tr, ông H để gom tiền hội, nhưng hiện nay số nợ hội bao nhiêu anh không biết, còn về tiền vay vợ anh là Đ và mẹ vợ bà Tuyết có vay của ông H bà Tr như thế nào anh không biết, đến đầu năm 2016 anh nghe vợ anh là Đ có mượn tiền của ông H bà Tr đem về đưa cho mẹ vợ là bà T làm ăn, nay không có tiền trả nên kêu anh đem số đất chung của vợ chồng giao cho vợ chồng ông H bà Tr để trừ số nợ khoản 300.000.000đ anh cũng đồng ý, còn lại bao nhiêu anh không biết, nên không đồng ý cùng trả.

* Bà Lý Thị Bạch T (B) trình bày: Bà biết ông H và bà Tr do con ruột bà là Đ làm chung cơ quan với bà Tr, việc vay tiền giữa Đ với bà Tr ông H như thế nào bà không biết nên không đồng ý trả

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với vụ án

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên chị Đ vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án, bà Tuyết có ý kiến trình bày, nhưng cũng không đến tham dự phiên tòa là chấp hành pháp luật chưa nghiêm.

- Về nội dung: Qua trình bày và các chứng cứ do ông H bà Tr cung cấp thể hiện:

Về phần tiền hội, xác định 02 dây hội do chị Đ làm chủ ông H bà Tr là hội viên, 02 dây hội này ông, bà đã đóng hội sống đầy đủ, chị Đ làm chủ hội được hưởng huê hồng nên phải có nghĩa vụ gom tiền hội viên đã hốt để giao cho người hốt hội hay trả lại cho hội viên chưa hốt tiền hội khi hội không còn mở nữa, hiện tại hội đã mãn và ngưng mở, sau đó hai bên đã chốt tiền các dây hội và chị Đ làm biên nhận cho ông H bà Tr, sau khi làm biên nhận đến nay chị Đ hay anh Hưng không trả khoản nào cho ông H bà Tr mà chị Đ bỏ đi làm ăn nơi khác là vi phạm nghĩa vụ của người chủ hội nên ông H bà Tr khởi kiện là có căn cứ phù hợp với Điều 471 Bộ Luật dân sự, anh H thừa nhận có chơi và làm chủ hội, nhưng số tiền bao nhiêu anh không xác định, chị Đ không đến để đối chiếu là từ bỏ quyền lợi của mình, nên yêu cầu của ông H bà Tr là có căn cứ, số tiền hội này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của anh H, chị Đ, nên anh H và chị Đ cùng phải có nghĩa vụ trả số tiền hội 174.200.000đ cho ông H bà Tr.

Đối với tiền vay, chị Đ làm biên nhận xác định phần nợ còn lại là 93.000.000đ, bà T không thừa nhận, nhưng anh H xác định trong thời kỳ hôn nhân giữa anh và chị Đ còn chung sống anh xác định chị Đ khi vay tiền của ông H bà Tr về đưa lại cho bà T mua bán, do thua lỗ nên vợ chồng anh phải đem tài sản chung của vợ chồng giao ông H bà Tr trừ đi 300.000.000đ, như vậy xác định số tiền vay này có liên quan đến trách nhiệm của bà T, nhưng bà không đến để đối chiếu nợ và xác định trách nhiệm trả nợ là từ bỏ quyền lợi của bà, nên yêu cầu của ông H bà Tr là có căn cứ phù hợp với Điều 463, Điều 466 Bộ Luật dân sự, nên bà với chị Đ cùng liên đới trả cho ông H bà Tr số tiền vốn vay là 93.000.000đ

Từ những phân tích nêu trên đề nghị hội đồng xét xử xem xét quyết định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đ, bà T được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và được triệu tập nhiều lần để giải quyết vụ án và xét xử, nhưng chị Đ, bà T không đến, anh H có yêu cầu được vắng mặt khi xét xử, việc vắng mặt trên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và hiện nay bà T, chị Đ và anh H có hộ khẩu và cư trú ấp Thượng 3, TT Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, nên ông H bà Tr khởi kiện là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Phú Tân theo khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Qua trình bày và các chứng cứ do ông H bà Tr cung cấp thể hiện:

Về phần tiền hui, xác định 02 dây hui do chị Đ làm chủ ông Hoàng bà Tr là hui viên, 02 dây hui này ông, bà đã đóng hui sống đầy đủ, chị Đ làm chủ hui được hưởng huê hồng nên phải có nghĩa vụ gom tiền hui viên đã hốt để giao cho người hốt hui hay trả lại cho hui viên chưa hốt tiền hui khi hui không còn mở nữa, hiện tại hui đã mãn và ngưng mở, sau đó hai bên đã chốt tiền các dây hui và chị Đ làm biên nhận cho ông H bà Tr, sau khi làm biên nhận đến nay chị Đ hay anh H không trả khoản nào cho ông H bà Tr mà chị Đ bỏ đi làm ăn nơi khác là vi phạm nghĩa vụ của người chủ hui nên ông H bà Tr khởi kiện là có căn cứ phù hợp với Điều 471 Bộ Luật dân sự, anh H thừa nhận có chơi và làm chủ hui, nhưng số tiền bao nhiêu anh không xác định, chị Đ không đến để đối chiếu là từ bỏ quyền lợi của mình, nên yêu cầu của ông H bà Tr được chấp nhận

Về trách nhiệm trả nợ, số tiền này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của anh H, chị Đ, nên anh H và chị Đ cùng phải trả số tiền hui 174.200.000đ cho ông H bà Tr khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với tiền vay, chị Đ làm biên nhận xác định phần nợ còn lại là 93.000.000đ, bà T không thừa nhận, nhưng anh H xác định trong thời kỳ hôn nhân giữa anh và Đ còn chung sống anh xác định chị Đ khi vay tiền của ông Hoàng bà Trinh về đưa lại cho bà T để mua bán, do thua lỗ nên vợ chồng anh phải đem tài sản chung của vợ chồng giao ông H bà Tr trừ đi 300.000.000đ, như vậy xác định số tiền vay này có liên quan đến trách nhiệm của bà T, nhưng bà không đến để đối chiếu nợ và xác định trách nhiệm trả nợ là từ bỏ quyền lợi của bà, nên yêu cầu của ông H bà Tr là có căn cứ phù hợp với Điều 463, Điều 466 Bộ Luật dân sự, nên bà với chị Đ cùng liên đới trả cho ông H bà Tr số tiền vốn vay là 93.000.000đ

[3] Về án phí: Do anh H và chị Đ cùng phải trả cho ông H bà Tr tiền hui là 174.200.000đ nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Chị Đ và bà Tr cùng phải trả cho ông H bà Tr tiền vay 93.000.000đ nên cùng phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 479 Bộ Luật dân sự

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 và Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H và bà Nguyễn Ngọc Trung Tr đối với anh Nguyễn Phú H và chị Nguyễn Thị Ngọc Đ về tranh chấp “Hợp đồng góp hội”.

- Buộc anh Nguyễn Phú H và chị Nguyễn Thị Ngọc Đ cùng phải trả cho ông Lê Văn H và bà Nguyễn Ngọc Trung Tr số tiền hội là 174.200.000 đồng (một trăm bảy mươi bốn triệu hai trăm ngàn đồng).

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H và bà Nguyễn Ngọc Trung Tr đối với chị Nguyễn Thị Ngọc Đ và bà Lý Thị Bạch T (B) về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

- Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc Đ và bà Lý Thị Bạch T (B) cùng phải trả cho ông Lê Văn H và bà Nguyễn Ngọc Trung Tr số tiền vay là 93.000.000 đồng (chín mươi ba triệu đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Anh Nguyễn Phú H và chị Nguyễn Thị Ngọc Đ cùng phải chịu 8.710.000 đồng (phần trả tiền hội)

+ Chị Nguyễn Thị Ngọc Đ và bà Lý Thị Bạch T (Bo) cùng phải chịu 4.650.000 đồng (phần trả tiền vay)

+ Ông Lê Văn H và bà Nguyễn Ngọc Trung Tr không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà Nguyễn Ngọc Trung Tr 3.350.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006151 ngày 13/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

- Kể từ ngày ông Lê Văn H và bà Nguyễn Ngọc Trung Tr có đơn yêu cầu thi hành án, mà anh Nguyễn Phú H, chị Nguyễn Thị Ngọc Đ và bà Lý Thị Bạch T (B) không thi hành dứt điểm số tiền trên, thì còn phải trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Nguyễn Phú Hưng, chị Nguyễn Thị Ngọc Đ và bà Lý Thị Bạch Tuyết (Bo) được quyền kháng cáo kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Bùi Văn Chiến